

Bản án số: 12/2026/KDTM-PT

Ngày: 18/3/2026

*“Tranh chấp hợp đồng mua bán điện
cho hệ thống điện mặt trời mái nhà”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hoài Sơn**

Các Thẩm phán:

Bà **Trần Thị Bé**

Ông **Nguyễn Ngọc Anh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hà Trang** - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Tú Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/3/2026 và ngày 18/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2025/TLPT-KDTM ngày 27/11/2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại số 51/2025/KDTM-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2025/QĐPT-KDTM ngày 05/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 37/2026/QĐPT-KDTM ngày 20/01/2026 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa phúc thẩm số 64/TB-TA ngày 10/02/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty **TNHH Đ**. Địa chỉ: Số C, ngách A, phường N, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đỗ Thị Hồng N** - Chức vụ: Giám đốc.

+ **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Bà **Hoàng Thị Thanh H** - sinh năm 1997; Nơi ĐKKHKTTrú: Tiểu khu A, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ liên hệ: P406, Tòa nhà D, số A đường V, phường Y, thành phố Hà Nội. (Theo Giấy ủy quyền số 02/UQ ngày 30/10/2023). Bà H có mặt ngày 12/3/2026, vắng mặt ngày 18/3/2026.

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Quốc K** - Luật sư Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ liên hệ: P406, Tòa nhà D, số A đường V, phường Y, thành phố Hà Nội. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* **Tổng Công ty Đ1 (E)**. Địa chỉ trụ sở: Số G đường D, phường H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Tấn C** - Chức vụ: Tổng giám đốc.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông **Trần Duy L**, chức vụ: Phó trưởng ban Pháp chế EVNPC; ông **Lương Nguyễn Quang V**, chức vụ: Phó trưởng Ban Kinh doanh EVNPC; ông **Nguyễn Danh L1**, chức vụ: Chuyên viên Ban pháp chế EVNPC; ông **Nguyễn Thế B**, chức vụ: Phó giám đốc Công ty Đ2. (Theo Giấy ủy quyền số 8575/GUQ-EVNCPD ngày 05/12/2023). *Đều có mặt.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. **Công ty cổ phần T2**. Địa chỉ trụ sở: Thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Thế Q** - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị. *Vắng mặt.*

3.2. **Công ty TNHH Đ3**. Địa chỉ: Số F, ngõ A, phố V, phường V, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Minh T** - Chức vụ: Giám đốc. *Vắng mặt.*

3.3. **Công ty cổ phần T3**; Địa chỉ: Lô A+A3.13 Khu C (Khu A), KKT N, phường Q, tỉnh Gia Lai. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Võ Thị Nguyệt N1** - Chức vụ: Giám đốc. *Vắng mặt.*

- Ông **Ngô Thế Q** - sinh năm 1962. Địa chỉ: Số D Ngõ E đường L, phường G, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

- Ông **Nguyễn Thế B** - sinh năm 1969. *Có mặt;*

- Ông **Phan Văn H1** - sinh năm 1975. *Có mặt;*

- Ông **Lưu Hữu L2** - sinh năm 1996. *Có mặt;*

- Ông **Nguyễn Đức T1** - sinh năm 1983. *Có mặt;*

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Số E đường T, phường Q, tỉnh Gia Lai.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn **Công ty TNHH Đ**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH Đ là ông Nguyễn Quốc K trình bày:*

1. Các yêu cầu khởi kiện:

1.1. Tuyên Hủy đồng mua bán điện số PC07AA0184594/MTAM ngày 04/12/2021 giữa EVNCPC và Công ty Đ có hiệu lực pháp luật.

1.2. Buộc EVNCPC thực hiện đấu nối lại toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Đ theo Biên bản nghiệm thu ngày 03/12/2021.

1.3. Buộc EVNCPC thanh toán tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023 số tiền: 460.908.853 đồng.

1.4. Buộc EVNCPC thanh toán toàn bộ tiền lãi do chậm trả tiền điện, số tiền: 169.763.294 đồng.

1.5. Buộc EVNCPC thanh toán tiền phạt hợp đồng do chậm trả tiền điện, số tiền: 380.746.407 đồng.

1.6. Buộc EVNCPC bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ do tách đấu nối công suất điện của Dự án, thời gian tính từ ngày 19/7/2023 (thời điểm tách đấu nối) cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm gây thiệt hại, tạm tính tới tháng 8/2025, số tiền: 3.098.600.980 đồng.

Tổng cộng: 4.110.019.534 đồng (Bốn tỷ, một trăm mười triệu, không trăm mười chín ngàn, năm trăm ba tư đồng).

2. Căn cứ của yêu cầu khởi kiện:

2.1. *Đối với Hợp đồng mua bán điện số PC07AA018459/MTAM ngày 04/12/2021:*

Ngày 04/12/2021, Công ty Đ và EVNCPC xác lập hợp đồng mua bán điện năng được sản xuất từ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà do nguyên đơn đầu tư xây dựng và vận hành tại tại Lô A; A3.13; A3.14 KCN N (Khu A), Khu K, thành phố Q, Hợp đồng số PC07AA0184594/MTAM.

Đây là hợp đồng được ký lại dựa trên thoả thuận chấm dứt hợp đồng cùng số ký ngày 28/12/2020.

Trước khi ký kết hợp đồng ngày 28/12/2020 và ký lại hợp đồng cùng số ngày 04/12/2021, EVNCPC đã phân công cán bộ kỹ thuật tham gia nghiệm thu, kết quả thể hiện đã xác nhận tất cả các thông số kỹ thuật đạt yêu cầu và đồng ý đấu nối mới đi tới ký kết Hợp đồng.

Hợp đồng được ký kết trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Chủ thể giao kết hợp đồng là đại diện pháp luật/đại diện uỷ quyền hợp pháp của pháp nhân.

Do đó, Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184594/MTAM ngày 04/12/2021 có hiệu lực pháp luật và đang còn trong thời gian thực hiện.

2.2. *Về yêu cầu buộc EVNCPC thanh toán tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023:*

- Mục 2 Điều 1 của Hợp đồng mua bán điện ghi nhận:

“Bên B có trách nhiệm thanh toán lượng điện năng từ Hệ thống của Bên A phát lên lưới của Bên B theo giá mua điện quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.”;

- Mục 1 Điều 3 ghi nhận:

“- Bên B thực hiện ghi chỉ số công tơ vào ngày bên B ghi chỉ số để bán điện cho bên A hàng tháng;

- Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ghi số công tơ, bên B sẽ thông báo cho Bên A chỉ số công tơ và lượng điện từ hệ thống phát lên lưới trong thời kỳ thanh toán...”

Lượng điện phát lên lưới do EVNCPC xác nhận và thông báo cho Công ty Đ. Trên cơ sở đó, Công ty Đ đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng tương ứng để đề nghị EVNCPC thanh toán. Toàn bộ sản lượng điện đã được phát lên lưới điện của EVNCPC, do đó EVNCPC có nghĩa vụ phải thanh toán toàn bộ sản lượng điện theo hoá đơn đã xuất.

Tính đến ngày 26/6/2024, EVNCPC mới thanh toán được 342.052.231 đồng, còn nợ 460.984.853 đồng. Cụ thể như sau:

Thời gian	Sản lượng xuất đơn (kwh)	Thành tiền (Đồng)	Sản lượng đã thanh toán (kwh)	Tiền đã thanh toán (Đồng)	Sản lượng còn lại chưa thanh toán (kwh)	Còn nợ (Đồng)
Tháng 5	146.400	318.537.120	62.373	135.711.173	84.027	182.825.947
Tháng 6	134.400	287.110.656	57.260	122.321.102	77.140	164.789.554
Tháng 7	92.400	197.388.576	39.366	84.095.224	53.034	113.293.352
Tổng		803.036.352		342.127.499	214.201	460.908.853

Như vậy, EVNCPC còn phải thanh toán cho Công ty Đ: 460.908.853 đồng.

2.3. Về yêu cầu buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán toàn bộ tiền lãi do chậm trả tiền điện:

- Tại điểm b Mục 3 Điều 4 Hợp đồng mua bán điện ghi nhận:

“... Sau thời hạn nêu trên, bên B không thanh toán cho Bên A thì bên B có trách nhiệm trả lãi phạt chậm trả cho toàn bộ khoản tiền chậm trả tính từ ngày sau đến hạn thanh toán đến ngày Bên B thanh toán. Hai Bên tự thoả thuận về lãi phạt chậm trả trên cơ sở phù hợp với quy định của Luật Thương mại 2005 và bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Bên bán điện.”

- Điều 306 Luật Thương mại quy định:

“Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán:

Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

“Điều 11. Xác định lãi suất trung bình quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005

Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần N2, Ngân hàng thương mại cổ phần N2, Ngân hàng N3,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”

Mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của Ngân hàng TMCP N2, Ngân hàng TMCP N2, Ngân hàng N4 và P1 tại thành phố Đà Nẵng tạm tính là 10,5%/năm.

Do chậm thanh toán nên EVNCPC phải chịu lãi chậm trả với lãi suất tạm tính là: 10,5%/năm.

Đối với tiền lãi do chậm trả tiền điện tháng 5, 6, 7/2023:

- Trước ngày 26/6/2024, EVNCPC nợ Công ty Đ số tiền 803.036.352 đồng. Nên phải trả lãi cho Công ty Đ đối với số tiền tính lãi là 803.036.352 đồng, thời gian tính lãi từ tháng 6/2023 tới 25/6/2024. Cụ thể:

Thời gian	Số tiền tính lãi	Lãi suất	Thời gian tính lãi	Số tháng	Thành tiền (đồng)
Tháng 5	318.537.120	10,5%	25/6/2023 – 25/6/2024	12	33.446.398
Tháng 6	287.110.656		25/7/2023 – 25/6/2024	11	27.634.401
Tháng 7	197.388.576		25/8/2023 – 25/6/2024	10	17.271.500
<i>Tổng (1)</i>					78.352.299

- Ngày 26/6/2024, EVNCPC thực hiện thanh toán tổng 342.127.499 đồng, còn nợ lại: 460.908.853 đồng tới nay chưa thanh toán. Do đó, EVNCPC phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền điện đang còn nợ. Thời gian tính lãi từ 26/6/2024 tới khi xét xử sơ thẩm là ngày 26/8/2025, số tiền: $(460.908.853 * 10,5\%) / 12 * 14 = 56.461.334$ đồng(2).

Đối với tiền lãi do chậm trả tiền điện từ tháng 8/2023 – tháng 3/2024:

Ngày 17/5/2024, EVNCPC mới thực hiện thanh toán tiền điện từ tháng 8/2023 – tháng 3/2024. Do vậy, EVNCPC phải thanh toán cho Công ty Đ tiền lãi do chậm trả tiền điện, thời gian tính lãi từ tháng 9/2023 tới 16/5/2024. Cụ thể:

Thời gian	Số tiền tính lãi	Lãi suất	Thời gian tính lãi	Số tháng	Thành tiền (đồng)
Tháng 8/2023	151.245.79 2	10,5%	16/9/2023 – 16/5/2024	08	10.587.205
Tháng 9/2023	120.483.93 6		16/10/2023 – 16/5/2024	07	7.379.641
Tháng 10/2023	107.666.49 6		16/11/2023 – 16/5/2024	06	5.652.491
Tháng 11/2023	72.700.520		16/12/2023 – 16/5/2024	05	3.180.648
Tháng 12/2023	78.519.637		16/01/2024 – 16/5/2024	04	2.748.187
Tháng 01/2024	94.146.183		16/02/2024 – 16/5/2024	03	2.471.337
Tháng 02/2024	101.944.20 2		16/03/2024 – 16/5/2024	02	1.784.024
Tháng 03/2024	130.985.99 4		16/4/2024 – 16/5/2024	01	1.146.127
Tổng (3)					34.949.661

Tổng: (1) + (2) + (3) = 169.763.294 đồng.

2.3. Đối với yêu cầu buộc EVNCPC thanh toán tiền phạt hợp đồng do chậm trả tiền điện:

- Căn cứ điểm b Mục 3 Điều 4 Hợp đồng mua bán điện;
- Căn cứ Điều 300 Luật thương mại 2005:

“ Phạt vi phạm

Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này”

- Căn cứ Điều 301 Luật Thương mại 2005:

“Mức phạt vi phạm

Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều

vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này.”

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán và thoả thuận thu mua điện từ dự án, EVNCPC còn phải thanh toán cho Công ty Đ khoản tiền tương ứng với 8% phần Hợp đồng vi phạm được xác định là tiền điện chậm thanh toán và tiền thiệt hại tạm tính do bị tách đầu nối được tính tương đương với hoá đơn đã xuất:

+ Tiền chậm thanh toán là tiền điện từ tháng 5/2023 – tháng 3/2024, số tiền: 1.660.729.112 đồng.

+ Tiền thiệt hại (tạm tính tới hết tháng 8/2025), số tiền: 3.098.600.980 đồng (*Ba tỷ, không trăm chín mươi tám ngàn, sáu trăm ngàn, sáu trăm tám mươi đồng*).

Tổng giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng vi phạm (tạm tính tới hết tháng 8/2025): 4.759.330.092 đồng.

Như vậy, EVNCPC phải thanh toán cho Công ty Đ số tiền phạt hợp đồng là: $4.759.330.092 \times 8\% = 380.746.407$ đồng.

2.4. Về yêu cầu buộc EVNCPC bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ do tách đầu nối công suất điện của Dự án, thời gian tính từ ngày 19/7/2023 (thời điểm tách đầu nối) cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm gây thiệt hại:

Ngày 19/7/2023, Công ty T3 đã đơn phương tách đầu nối toàn bộ hệ thống điện mặt trời của Công ty Đ.

Từ ngày 30/7/2023 tới nay, Dự án điện mặt trời mái nhà của Công ty Đ bị tách đầu nối 1.168 tấm pin; số tấm pin đang đầu nối là 867 tấm (công suất: 0.445 kwp/tấm). Như vậy, Công ty Đ bị tách đầu nối tới hơn $\frac{1}{2}$ số lượng tấm pin. Đồng nghĩa với mỗi tháng, sản lượng điện bán ra của Công ty Đ bị giảm hơn một nửa. Do bị tách đầu nối, sản lượng điện thu được và bán ra từ dự án điện bị sụt giảm nghiêm trọng, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty Đ.

Do đó, EVNCPC phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ do tách đầu nối công suất điện của Dự án, thời gian tính từ ngày 19/7/2023 (thời điểm tách đầu nối) cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm gây thiệt hại, thiệt hại được tính tương đương với tiền điện hàng tháng đã xuất hoá đơn, tạm tính tới tháng 8/2025, số tiền: **3.098.600.980 đồng**.

3. Đối với yêu cầu phản tố của Tổng Công ty Đ1:

EVNCPC phản tố yêu cầu tuyên Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184594/MTAM ngày 04/12/2021 giữa EVNPC và Công ty Đ vô hiệu một phần đối với công suất 519,76 kWp (1.168 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445Wp) của hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Đ do không đủ điều hưởng ưu đãi về giá bán điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam là không có căn cứ, bởi:

Như đã đã phân tích ở Mục 2, Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184594/MTAM ngày 04/12/2021 giữa EVNPC và Công ty Đ có hiệu lực pháp luật.

EVNCPC cho rằng Công ty Đ tự ý lắp đặt tấm pin tăng công suất là không có căn cứ không cung cấp được tài liệu chứng minh vị trí cũng như thời gian lắp đặt các tấm pin mà bị đơn cho rằng phía chúng ông đã lắp đặt thêm.

Đối với hình ảnh vệ tinh mà E cung cấp, đây không phải là chứng cứ để xem xét trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ đã có Đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ để xác định số lượng tấm pin, từ đó xác định công suất của dự án điện mặt trời áp mái của Công ty Đ có vượt quá công suất theo Hợp đồng hai bên đã ký kết hay không. Tuy nhiên, tại phiên tòa EVNCPC thừa nhận số lượng tấm pin hiện nay đã đủ theo biên bản kiểm tra ngày 03/12/2021 nên Công ty Đ không yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ.

Do đó, yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Đ;
2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn - EVNCPC.

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Tổng Công ty Đ1 (EVNCPC) - đại diện theo ủy quyền là ông Trần Duy L, ông Lương Nguyễn Quang V, ông Nguyễn Danh L1 và ông Nguyễn Thế B trình bày:*

1. Đối với yêu cầu buộc EVNCPC thực hiện đấu nối lại toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Đ theo Biên bản nghiệm thu ngày 03/12/2021. EVNCPC không đồng ý yêu cầu khởi kiện này của Công ty Đ bởi các lý do sau:

Thứ nhất: Việc EVNCPC thực hiện tách đấu nối đối với một phần hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Đ xuất phát từ hành vi cung cấp thông tin không trung thực của Công ty Đ về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống điện mặt trời mái nhà trong quá trình nghiệm thu, ký kết hợp đồng mua bán điện với EVNCPC nhằm mục đích hưởng lợi bất hợp pháp từ chính sách ưu đãi về giá bán điện của Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg.

Theo khoản 4 Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định “*Giá mua điện tại khoản 2 Điều này được áp dụng cho hệ thống điện mặt trời mái nhà có thời điểm vào vận hành phát điện và xác nhận chỉ số công tơ trong giai đoạn từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/12/2020 và được áp dụng 20 năm kể từ ngày vào vận hành phát điện*”. Để được hưởng các chính sách ưu đãi về giá bán điện theo chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà của Chính phủ, phía Công ty Đ đã thực hiện hành vi cung cấp thông tin không trung thực về hệ thống điện mặt trời mái nhà trong quá trình nghiệm thu, ký kết hợp đồng mua bán điện. Hành vi vi phạm của Công ty Đ chỉ bị phát hiện khi có đơn khiếu nại của công dân vào ngày 16/11/2022, ngày 07/6/2023, qua xác minh và thu thập hồ sơ, tài liệu có liên quan, EVNCPC phát hiện Công ty Đ đã không trung thực trong việc cung

cấp các thông tin về tình trạng, số lượng tấm pin, công suất của hệ thống điện mặt trời mái nhà tại thời điểm ký hợp đồng mua bán điện, cụ thể:

- Công ty Đ có Đơn đề nghị nghiệm thu, Giấy đề nghị bán điện trong khi hệ thống điện mặt trời mái nhà chưa hoàn thành:

+ Hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Đ được nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng theo Biên bản số 15/BHNT/NTDVSD ngày 31/12/2020 giữa Công ty Đ và Công ty CP T2, biên bản này nêu rõ thời gian và địa điểm nghiệm thu “*Bắt đầu: 13 giờ 30 phút, ngày 31/12/2020; kết thúc: 14 giờ 30 phút, ngày 31/12/2020*”. Như vậy, việc ngày 19/12/2020 Công ty Đ có Đơn đề nghị V/v yêu cầu nghiệm thu đóng điện công trình với nội dung “*Đến nay công trình đã hoàn thành, đúng theo hồ sơ thiết kế đã duyệt. Để tạo điều kiện sớm đưa công trình vào vận hành. Công ty TNHH Đ kính đề nghị Công ty T3 cho tiến hành nghiệm thu công trình*”; ngày 23/12/2020 Công ty Đ có Giấy đề nghị bán điện để được Bên mua điện nghiệm thu và ký kết hợp đồng mua bán điện vào ngày 28/12/2020 trong khi hệ thống điện mặt trời mái nhà chưa hoàn thành việc lắp đặt là thiếu trung thực, lừa dối Bên mua điện.

+ Theo Biên bản giao nhận hàng hóa giữa Công ty Cổ phần T2 (đơn vị thi công) và Công ty TNHH I1 thì ngày 28/12/2020 Công ty Cổ phần T2 mới nhận 52 Bộ biến tần năng lượng mặt trời hòa lưới 110 kW, Model: SUN2000-110KTL-M0, hiệu Huawei từ Bên giao hàng (tại trụ sở Công ty có địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn) để phục vụ cho việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Đ, do vậy trong ngày 28/12/2020 hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Đ không thể có đầy đủ vật tư thiết bị để hoàn thành xong việc lắp đặt.

- Công ty Đ không trung thực trong việc cung cấp thông tin về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống điện mặt trời mái nhà tại thời điểm nghiệm thu, ký kết hợp đồng mua bán điện (ngày 28/12/2020):

+ Theo Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà ngày 28/12/2020 giữa đại diện Công ty T3 (BĐPC) và Công ty Đ, phía Công ty Đ cung cấp thông tin về công suất của hệ thống điện mặt trời mái nhà là 952,3 kWp; tấm pin mặt trời loại 0,445 kWp/tấm (2140 tấm). Tuy nhiên, theo báo cáo kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020 của Cục V1 thể hiện hình ảnh vệ tin viễn thám Planet Scope chụp ngày 29/12/2020 (hình 1, hình 3) đưa ra kết quả xác định hiện trạng che phủ pin năng lượng mặt trời như sau: “*Tại thời điểm ngày 29/12/2020, pin năng lượng mặt trời mới chỉ lắp đặt tại khu vực giữa mái (trong vùng bao bằng đường màu xanh) như trong hình ảnh dưới đây. Các khu vực khác chưa lắp đặt*”. Căn cứ hình ảnh chụp ngày 29/12/2020, các Bên xác định số lượng tấm pin lắp đặt tại thời điểm 29/12/2020 là 867 tấm theo Biên bản làm việc ngày 29/7/2023 giữa BĐPC và đại diện Công ty Đ.

+ Hồ sơ chứng minh, làm rõ nguyên nhân số lượng tấm pin hệ thống điện mặt trời mái nhà giảm vào ngày 29/12/2020 cũng có nhiều nội dung không trung thực, không phù hợp với hồ sơ vụ việc:

Theo hồ sơ, ngày 28/12/2020 Công ty Đ có Văn bản số 28-12/CV/BA-TC về việc kiểm tra, tháo dỡ inverter và P sự cố đi sửa chữa bảo hành hệ thống điện mặt trời mái nhà gửi Công ty Cổ phần T2, trong khi đó ngày 31/12/2020 các bên mới ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng nên thời điểm ngày 28/12/2020 Công ty Cổ phần T2 chưa phát sinh nghĩa vụ bảo hành.

Ngoài ra, tại Văn bản số 28-12/CV/BA-TC ngày 28/12/2020 của Công ty Đ có nội dung “đề nghị Công ty Cổ phần T2 kiểm tra lại Inverter và một số Pin bị sự cố vào 21h00 ngày 28/12/2020 và đề nghị tháo dỡ I và P bị sự cố ra để đem đi bảo hành sửa chữa thay thế một số hệ thống pin năng lượng mặt trời tại mái nhà xưởng Công ty Cổ phần T3”. Biên bản nghiệm thu bàn giao ngày 20/01/2020 giữa Công ty Đ và Công ty Cổ phần T2 có nội dung “*hai bên xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện hoàn thành đúng tiến độ từ ngày 31/12/2020 đến ngày 20/01/2020*”, điều này chứng minh việc phải đến ngày 31/12/2020 Công ty Cổ phần T2 mới thực hiện tháo dỡ I2 và P bị sự cố ra để đem đi bảo hành sửa chữa thay thế, nên việc giảm số lượng tấm pin trong ngày 29/12/2020 là do trước đó hệ thống chưa được lắp đặt đầy đủ.

Để làm rõ việc Công ty Đ có thật sự hoàn thành việc lắp đặt số lượng 2.140 tấm pin (như ghi nhận tại Biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2020) hay không. Ngày 05/02/2024, Công ty T3 (BĐPC) đã ký hợp đồng số 01/2024/HĐ-ĐVTTW-BĐPC với V1 (thuộc Cục V1 - Bộ T4) để cung cấp dữ liệu hình ảnh các ngày 27/12/2020 (trước thời điểm nghiệm thu); ngày 28/12/2020 (ngày nghiệm thu) và ngày 29/12/2020 (sau thời điểm nghiệm thu). Căn cứ kết quả tại báo cáo số 26/CV-ĐVTTW ngày 15/02/2024 của Đài Viễn Thám T - Cục V1 khẳng định: “*Đối chiếu với mặt bằng bố trí tấm pin do công ty cung cấp thì phạm vi lắp đặt trên sơ đồ tại các ngày 27, 28, 29 tháng 12/2020 là giống nhau và có vị trí như hình dưới (trong vùng bao bằng đường màu đỏ*”. Kết luận này hoàn toàn giống với kết luận của báo cáo số 101/ĐVTTW-KHTH ngày 18/7/2023 kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020 của V1 mà Công ty Đ đã cung cấp cho BĐPC vào tháng 7/2023. Từ các chứng cứ nêu trên, khẳng định được rằng tại thời điểm ngày 28/12/2020 Công ty Đ chỉ mới hoàn thành việc lắp đặt đối với 867 tấm pin (thuộc đối tượng được hưởng chính sách giá bán điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg (Đính kèm văn bản 26/CV-ĐVTTW).

Bên cạnh đó, việc cung cấp các thông tin không chính xác về số lượng tấm pin, công suất của hệ thống điện mặt trời mái nhà cũng được phía Công ty Đ thừa nhận tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2023 đối với “*Các nội dung thống nhất giữa các bên tham gia: - Qua sản lượng phát tháng 1/2021 so với tháng 1/2022, có khả năng số lượng tấm pin lắp đặt không đúng theo biên bản, hợp đồng đã ký*”.

Thứ hai: Việc tách đầu nối đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà vi phạm được EVNCPC (đại diện là BĐPC) thông báo trong thời hạn hợp lý trước khi thực hiện và có sự hợp tác, thống nhất với Công ty Đ vào ngày 29/7/2023.

Sau khi phát hiện hành vi sai phạm trong công tác lắp đặt, nghiệm thu số tấm pin của Công ty Đ, phía EVNCPC (đại diện là BĐPC) đã có Giấy mời số 3081/GM-

BĐPC ngày 23/6/2023, Giấy mời số 3185/GM-BĐPC ngày 28/6/2023 mời Công ty Đ tham dự cuộc họp và nêu rõ trường hợp đại diện của Công ty Đ không tham dự thì sau ngày 03/7/2023 BĐPC sẽ thực hiện tách đầu nối. Sau 02 lần mời họp mà đại diện Công ty Đ không tham dự, BĐPC đã thực hiện nhiều văn bản thông báo cho Công ty Đ trước khi thực hiện tách đầu nối như: Văn bản thông báo số 601/ĐLQN-KD ngày 06/7/2023 về việc ngắt đầu nối hệ thống điện mặt trời mái nhà ra khỏi lưới điện của ngành điện, văn bản số 3603/BĐPC-TTBVPC+KD ngày 18/7/2023 V/v tách đầu nối 04 hệ thống pin lắp đặt trên mái nhà xưởng của Công ty TNHH T3. Trước hành vi sai phạm của Công ty Đ trực tiếp xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của EVN và EVNCPC thì việc EVNCPC tạm ngừng thực hiện hợp đồng (tách đầu nối để ngừng việc mua điện) đối với Công ty Đ trong thời gian chờ quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền là có căn cứ, kịp thời ngăn chặn và làm giảm thiệt hại cho Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện tách đầu nối hệ thống điện mặt trời mái nhà, BĐPC được phía Công ty Đ hợp tác, thống nhất mới có thể thực hiện được, điều này được thể hiện tại nội dung Biên bản làm việc ngày 29/7/2023 giữa BĐPC và đại diện Công ty Đ thống nhất “*đóng lại số lượng tấm pin này vào ngày 30/7/2023 lên lưới điện Công ty T3*” theo số lượng tấm pin đã lắp đặt xác định theo ảnh ngày 29/12/2020 của Cục V1 đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Đ là 867 tấm. Hệ thống điện mặt trời mái nhà là tài sản của Công ty Đ, quá trình thực hiện tách đầu nối đối với 1168 tấm pin vi phạm cần có sự hợp tác và thống nhất với Công ty Đ thì BĐPC mới có thể thực hiện được.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên cho thấy Công ty Đ đã cung cấp các thông tin không trung thực về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống điện mặt trời tại thời điểm lắp đặt, nghiệm thu và ký kết hợp đồng mua bán điện là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nguyên tắc “*pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực*”, vi phạm khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012 quy định hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện lực là “*Cung cấp thông tin không trung thực làm tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực và sử dụng điện*”, có hành vi lừa dối/gian lận khiến đại diện của EVNCPC xác định sai các thông tin về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống điện mặt trời mái nhà nên mới ký kết hợp đồng mua bán điện. Do đó, EVNCPC yêu cầu Tòa án áp dụng khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012; khoản 3 Điều 3, điểm b, c khoản 1 Điều 117, Điều 123, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tuyên bố Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184594/MTAM ngày 04/12/2021 vô hiệu một phần đối với công suất hệ thống điện mặt trời mái nhà lắp đặt thêm không đủ điều kiện hưởng ưu đãi về giá bán điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, cụ thể: Tuyên vô hiệu đối công suất 519,76 kWp tương ứng với số tấm pin vi phạm là 1.168 tấm (công suất mỗi tấm là 0,445 kWp) của Công ty Đ.

2. Đối với yêu cầu buộc EVNCPC thanh toán tiền điện tháng 5, 6, 7/2023, yêu cầu tính lãi, phạt hợp đồng do chậm thanh toán và bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ

từ thời điểm tách đầu nối đến thời điểm thực hiện đầu nối lại toàn bộ các hệ thống điện mặt trời mái nhà, EVNCPC có ý kiến như sau:

2.1. Đối với yêu cầu thanh toán tiền điện:

Tại Biên bản họp ngày 13/6/2023 giữa BĐPC và Công ty Đ, các Bên đã thống nhất “*Trong thời gian chờ bổ sung thêm các hồ sơ để chứng minh sự phù hợp về mặt pháp lý của hệ thống pin lắp, Công ty T3 tạm dừng thanh toán cho các hệ thống này*”. Tuy nhiên từ đó đến nay Công ty Đ vẫn không thể cung cấp được các bằng chứng để chứng minh sự phù hợp trong công tác lắp đặt hệ thống các tấm pin điện mặt trời mái nhà để được hưởng chính sách giá bán điện theo quy định của Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg.

EVNCPC chưa có cơ sở thanh toán đối với sản lượng phát từ công suất 519,76 kWP tương ứng với số tấm pin vi phạm là 1.168 tấm được lắp đặt, nghiệm thu không đúng (*số lượng tấm pin nằm ngoài phạm vi được ghi nhận từ không ảnh của Cục V1 và nhằm mục đích hưởng lợi bất hợp pháp từ chính sách ưu đãi về giá bán điện của Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg*) đồng thời căn cứ hướng dẫn tại văn bản số 1815/EVN-KD ngày 07/4/2022 của Tập đoàn Đ4 về xử lý việc chủ đầu tư tự ý tăng công suất dự án/ hệ thống điện mặt trời mái nhà. Sản lượng điện của các tháng 5, 6, 7/2023 chưa thanh toán từ công suất 519,76 kWP tương ứng với số tấm pin vi phạm là 1.168 tấm pin như sau:

Tháng	Năm	Sản lượng
5	2023	84.027
6	2023	77.140
7	2023	53.034
TỔNG CỘNG		214.201

Hiện nay, giá mua điện đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà áp dụng theo khoản 4 Điều 14 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP “*Giá mua bán sản lượng điện dư là giá điện năng thị trường điện bình quân trong năm trước liền kề do đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện công bố nhưng không cao hơn mức giá tối đa của khung giá điện mặt trời mặt đất*”. Căn cứ văn bản số 1078/NSMO-TTĐ ngày 11/4/2025 của Công ty TNHH MTV V2 điện và thị trường điện quốc gia - Bộ C1 công bố thì giá điện năng thị trường điện bình quân hiện nay là 1.096,5 đồng/kWh. Do đó, nếu EVNCPC thực hiện thanh toán theo giá 1.978 đồng/kWh theo đề nghị của Công ty Đ sẽ vi phạm đến chính sách giá điện theo QĐ13.

2.2. Đối với yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán:

Theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng thì Công ty Đ phải có nghĩa vụ lập hồ sơ đề nghị thanh toán và trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán thì EVNCPC có nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2023 các bên thống nhất tạm ngừng việc thanh toán để Công ty Đ

bổ sung hồ sơ chứng minh sự phù hợp về pháp lý của hệ thống pin lắp đặt. Đến ngày 16/5/2024 thì Công ty Đ mới có giấy đề nghị thanh toán kèm hóa đơn GTGT đối với sản lượng điện từ tháng 5/2023 - tháng 4/2024. Ngày 26/6/2024, EVNCPC đã thanh toán tiền điện của tháng 5, 6, 7/2023 với giá trị 342.127.499 đồng (tương ứng với phần công suất của 867 tấm pin); ngày 17/5/2024, EVNCPC đã thanh toán tiền điện của từ tháng 8/2023 đến tháng 4/2024 với tổng số tiền là 1.009.145.316 đồng. Như vậy, tiền điện của từ tháng 8/2023 đến tháng 4/2024, EVNCPC đã thanh toán sau 01 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị thanh toán hợp lệ nên không vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đối với tiền điện của tháng 5, 6, 7/2023 thì EVNCPC cần rà soát, tính toán lại số tiền điện phải trả phù hợp với công suất của 867 tấm pin nên có sự chậm trễ.

2.3. Đối với yêu cầu phạt hợp đồng:

Về phạt chậm thanh toán thì tại hợp đồng không có thỏa thuận về vấn đề này nên yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở.

2.4. Đối với tiền bồi thường thiệt hại (bao gồm giá trị bồi thường thiệt hại phát điện, tiền phạt chậm thanh toán và tiền lãi chậm thanh toán).

EVNCPC không đồng ý vì yêu cầu này của Nguyên đơn là không có cơ sở vì việc EVNCPC tạm ngừng mua điện xuất phát từ hành vi vi phạm từ phía Công ty Đ. Công ty Đ không cung cấp được các hồ sơ chứng minh theo nội dung đã cam kết tại Biên bản họp ngày 13/6/2023. Đồng thời, theo Biên bản làm việc ngày 29/7/2023 các bên đã thống nhất xác định số tấm pin được lắp đặt đúng của Công ty Đ là 867 tấm và hai bên thống nhất đóng lại số lượng tấm pin vào ngày 30/7/2023 lên lưới điện Công ty T3, nếu chủ đầu tư bổ sung hình ảnh chụp vào ngày 30 hoặc ngày 31/12/2020 xác định được số tấm pin được lắp đặt hợp pháp thì Công ty T3 sẽ tiếp tục đóng số lượng pin hợp pháp đó lên lưới điện của Công ty T3. Trong quá trình thực hiện đấu nối 867 tấm pin và tách đấu nối 1.168 tấm pin vi phạm thì Công ty T3 cần có sự hợp tác và thống nhất với Công ty Đ thì mới có thể can thiệp vào hệ thống điện mặt trời mái nhà là tài sản của Công ty Đ để thực hiện việc tách đấu nối. Vì vậy, việc Công ty Đ yêu cầu bồi thường thiệt hại phát điện là không có căn cứ, không kèm theo hồ sơ chứng minh vi phạm, mức thiệt hại theo các Điều 304, 305 Luật thương mại năm 2025 nên đề nghị Tòa án không chấp nhận.

3. Đồng thời, EVNCPC có yêu cầu phản tố như sau:

- Tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184594/MTAM ngày 04/12/2021 giữa Công ty TNHH Đ và Tổng Công ty Đ1, cụ thể là phần công suất 519,76kWp (1.168 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp) do Công ty Đ cung cấp sai thông tin công suất, số lượng tấm pin lắp đặt nên không đủ điều kiện hưởng ưu đãi về giá bán điện.

- EVNCPC không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của phần hợp đồng yêu cầu tuyên bố vô hiệu.

4. Giữa Công ty Đ và EVNCPC đến thời điểm hiện nay đã thống nhất:

Công suất và số tấm pin theo Hợp đồng mua bán điện số PC07AA018459/MTAM ngày 04/12/2021 là 905,575kWp (2.035 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp); Công suất và số tấm pin các bên đang tiếp tục thực hiện theo hợp đồng là 385,815kWp (867 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp); Công suất và số tấm pin đã bị ngắt kết nối là 519,76kWp (1.168 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp) nên việc xem xét, thẩm định tại chỗ là không cần thiết.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T2; Công ty TNHH Đ3; Công ty Cổ phần T3; ông Ngô Thế Q mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ Ông Nguyễn Thế B trình bày:

Với trách nhiệm Phó giám đốc phụ trách công tác kỹ thuật của Công ty T3 (nay là Công ty Đ2), ông Nguyễn Thế B chỉ đạo phòng Kỹ thuật Công ty T5 và tổ chức kiểm tra kỹ thuật và nghiệm thu các công trình điện (đường dây và trạm biến áp) theo quy định phân cấp của Công ty.

Những ngày cuối năm 2020, các dự án điện mặt trời máy nhà chạy đua để kịp đóng điện đưa vào vận hành để được hưởng mức giá FIT theo Quyết định số 13/2020/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhiều chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu dự án đầu tư của mình, Giám đốc Công ty giao cho phòng K1 triển khai thực hiện nghiệm thu công trình định và kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời của chủ đầu tư lắp đặt theo đúng quy định.

Nhận được đơn đề nghị nghiệm thu đóng điện công trình 04 chủ đầu tư lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời trên mái nhà xưởng Công ty CP T3, trong đó có Công ty TNHH Đ. Giám đốc Công ty T3 ban hành thông báo số 6959/TB-BĐPC ngày 28/12/2020 về việc triệu tập nghiệm thu kỹ thuật công trình thời gian 28/12/2020 bắt đầu từ 8 giờ, thành phần tham gia nghiệm thu gồm Phòng Kỹ thuật Công ty (Chủ trì), Phòng Kinh doanh Công ty V3.

Ông Nguyễn Thế B không được phân công tham gia nghiệm thu và kiểm tra thông số kỹ thuật các dự án điện mặt trời. Thời gian này, ông ở phòng làm việc điều hành đảm bảo cho lưới điện hoạt động ổn định, liên tục và xử lý các sự cố để đảm bảo cung cấp điện cho khách hàng sản xuất cuối năm, đồng thời kiểm tra các hồ sơ nghiệm thu các công trình điện đường dây và trạm biến áp do công ty cũng như các đơn vị khác đầu tư để kịp nghiệm thu đóng điện trong năm. Do đó khi Phòng kỹ thuật Công ty T6 ký nghiệm thu công trình gồm:

+ Biên bản nghiệm thu kỹ thuật công trình điện đường dây 22kV và TBA 1000KVA.

+ Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà.

Vì không tham gia nghiệm thu nên ông không nắm được tình hình thực tế số lượng tấm pin năng lượng mặt trời của Công ty TNHH Đ. Biên bản trình ký có số liệu rõ ràng, phù hợp với thỏa thuận đấu nối và số liệu đo đạc, đánh giá đạt kỹ thuật,

không có tồn tại. Ông đã ký nghiệm thu đóng điện công trình điện và cả hệ thống điện mặt trời mái nhà (để cho các đơn vị kịp hoàn chỉnh các thủ tục ký hợp đồng mua bán điện).

Qua thời gian theo dõi, Điện lực V3 báo cáo số liệu so sánh sản lượng điện tháng 01/2021 với sản lượng điện tháng 01 các năm 2022, 2023 thì nhận thấy sản lượng điện 2021 thấp hơn với tháng 01 các năm 2022 và tháng 01/2023. Đồng thời qua đơn tố cáo nặc danh có nêu số lượng pin lắp đặt thời điểm nghiệm thu không đúng theo số lượng thực tế thi công, Công ty T3 mời đại diện theo pháp luật của Công ty Đ đến để lấy thông tin về độ trung thực của chủ đầu tư về số lượng pin được lắp đặt tại thời điểm nghiệm thu ngày 28/12/2020. Tuy nhiên, Công ty T3 nhận thấy lý do chủ đầu tư giải trình không phù hợp với ảnh chụp qua vệ tinh vào ngày 29/12/2020 do Đài Viễn thám V1 cung cấp.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Ông Phan Văn H1 trình bày:

1. Công tác nghiệm thu:

Căn cứ đơn đề nghị yêu cầu nghiệm thu đóng điện công trình, BĐPC đã ban hành thông báo số 6959/TB-BĐPC ngày 28/12/2020 của Giám đốc Công ty T3 về việc triệu tập nghiệm thu kỹ thuật công trình kế hoạch bắt đầu 8h -28/12/2020.

- Ông với vai trò Trưởng phòng kỹ thuật, giao công việc cho ông Lưu Hữu L2 - chuyên viên Phòng kỹ thuật thực hiện công tác nghiệm thu trực tiếp tại hiện trường. Ngày 28/12/2020 ông L2 có báo cho ông công trình chưa hoàn thành kịp vào buổi sáng, do vậy chiều mới bắt đầu.

- Ngày 29/12/2020 ông có nhận được hồ sơ trình ký của ông Lưu Hữu L2 gồm:

+ Biên bản nghiệm thu kỹ thuật công trình điện đường dây 22kV và TBA 1000KVA ĐMT Bình Anh.

+ Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà Bình A.

+ 04 hình ảnh nghiệm thu chụp bằng điện thoại cá nhân thể hiện thời gian chụp từ 9h30 đến 9h34 phút ngày 29/12/2020.

- Bản trình ký có số liệu rõ ràng, phù hợp với thỏa thuận đấu nối và, không có tồn tại. Ông đã ký nghiệm thu đóng điện công trình.

2. Đánh giá mức độ rủi ro sai sót trong công tác nghiệm thu ngày 28/12/2020:

- Khối lượng công việc giao thực hiện tại địa điểm Công ty CP T3, N thành phố Q gồm:

+ Nghiệm thu đóng điện ĐZ và TBA nâng của 2 hệ thống Q&N và Bình A;

+ Kiểm tra thông số kỹ thuật của 04 hệ thống điện mặt trời mái nhà Bình A, Q1, Quang L3, T với qui mô 3809,2kWp, số lượng pin 8560 tấm.

+ Chụp ảnh: Không có thiết bị chụp toàn cảnh hệ thống, chỉ có điện thoại cá nhân.

- Thời lượng thực hiện công việc theo kế hoạch là 1 ngày bắt đầu từ 8h-28/12/2020. Tuy nhiên do tình hình thi công chưa xong nên công việc không triển khai theo kế hoạch (8h buổi sáng) mà đến 13h30 - 28/12/2020 mới tiến hành công việc trong điều kiện thời tiết xấu.

Do vậy không thể kiểm đếm hết số lượng pin và năng cuối ngày hệ thống không phát hết công suất. Điều đó dẫn đến kết quả nghiệm thu ngày 28/12/2020 sai số lượng pin và công suất hệ thống.

3. Các giải pháp đã triển khai kiểm soát ngay sau nghiệm thu:

Ngày 17/1/2021 đã triển khai quay flycam để kiểm đếm xác định số lượng tấm pin thực tế. Kết quả trong 4 hệ thống điện mặt trời mái nhà trên mái C2 thì có hệ thống ĐMT Bình Anh số lượng pin thực tế thiếu so với số nghiệm thu 105 tấm, ĐLQN-BĐPC đã làm việc với C3 ký lại phụ lục hợp đồng theo số lượng pin thực tế giảm;

4. Khẳng định số lượng pin nghiệm thu ngày 28/12/2020 hệ thống điện mặt trời mái nhà Bình A không đúng thực tế lắp đặt (chỉ có 867 tấm pin - giảm 1.168 tấm):

- Thời điểm nghiệm thu kiểm tra pin sau 17h30 ngày 28/12/2020 nên không đủ ánh sáng chụp hình, không đủ năng để đánh giá về công suất. Khi ông L2 đến chụp ảnh pin trên mái nhà lúc 9h - ngày 29/12/2020 không thấy dấu hiệu tháo pin đi sửa chữa. Công ty Đ không có thông tin, báo cáo sự cố hệ thống điện mặt trời sau nghiệm thu.

- Theo báo cáo kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020 của Cục V1 thể hiện hình ảnh vệ tin viễn thám Planet Scope chụp ngày 29/12/2020 đưa ra kết quả xác định hiện trạng che phủ pin năng lượng mặt trời như sau: *“Tại thời điểm ngày 29/12/2020, pin năng lượng mặt trời mới chỉ lắp đặt tại khu vực giữa mái (trong vùng bao bằng đường màu xanh) như trong hình ảnh dưới đây. Các khu vực khác chưa lắp đặt”*.

Do vậy ông xác định số lượng pin thực tế lắp đặt ngày 28/12/2020 HT ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ Bình Anh chỉ có 867 tấm pin. Ông đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Ông Lưu Hữu L2 trình bày:

Ông được Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty T3 giao nhiệm vụ đi nghiệm thu đường dây, trạm biến áp và kiểm tra hệ thống ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ của 4 chủ đầu tư lắp đặt 4 hệ thống điện mặt trời trên mái nhà xưởng Công ty cổ phần T3 tại khu K vào thời gian 8h00, ngày 28/12/2020 (trong đó có Công ty TNHH Đ). Tuy nhiên do công trình chưa thi công xong, ông cùng ông Nguyễn Văn Q2 (CV phòng KH-KT ĐLQN) đến tại hiện trường để nghiệm thu vào lúc 13h30.

- Lúc 13h30 ông cùng ông Nguyễn Văn Q2 cán bộ kỹ thuật, Điện lực V3 cùng đại diện của chủ đầu tư bắt đầu kiểm tra phần thiết bị điện từ điểm đấu nối đến trạm biến áp 1000kVA của Công ty Đ; kiểm tra nghiệm thu trạm biến áp này và các thiết bị

hạ thế từ trạm biến áp đến tủ điện. Công nhân treo tháo công tơ đầu nối công tơ đo đếm trước khi đóng điện. Đến 16h15 thì đóng điện thành công trạm biến áp B1.

- Từ 16h30 đến 17h30 ông kiểm tra thông số hệ thống điện mặt trời mái nhà bằng máy đo chất lượng điện năng tại tủ điện hạ thế ở TBA, kết quả các thông số về tần số, điện áp, sóng hài đảm bảo tiêu chuẩn vận hành.

- Lúc 17h30, ông kiểm tra lắp đặt pin và inverter trên mái nhà xưởng (kiểm tra số lượng Inverter và đầu nối các string tại I đầy đủ). Tuy nhiên thời tiết lúc này có mây đen, mưa phùn, trời sầm tối, thiếu ánh sáng, có gió lớn, nên không chụp ảnh được, không đếm được số lượng pin cho từng hệ thống (trên mái có lắp đặt chung 04 hệ thống điện mặt trời mái nhà), ông thống nhất số lượng pin ghi vào Biên bản kiểm tra hệ thống điện mặt trời theo hồ sơ hoàn công do chủ đầu tư cung cấp.

- Ngay sau đó ông lập biên bản nghiệm thu đường dây 22kV và trạm biến áp, biên bản kiểm tra thông số hệ thống điện mặt trời mái nhà, gửi chủ đầu tư và đơn vị thi công ký.

- Sáng ngày 29/12/2020, ông quay lại hiện trường và leo lên mái của Công ty TNHH T3 để kiểm tra, dùng điện thoại chụp ảnh lắp đặt hệ thống ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ trong thời gian từ 9h30 đến 9h34 (4 ảnh). Do sử dụng điện thoại chụp hình với ống kính nhỏ, độ rộng hẹp, không có vị trí đứng trên cao nên không thể chụp tổng thể dự án.

- Đồng thời sáng ngày 29/12/2020, sau khi nhận lại các biên bản từ CĐT, ông trình ký các biên bản nghiệm thu, biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật của hệ thống điện mặt trời mái nhà, gồm:

+ Biên bản nghiệm thu kỹ thuật công trình điện.

+ Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà.

- Khi kiểm tra hệ thống pin, thời tiết không thuận lợi, không đủ điều kiện về phương tiện, công cụ chụp ảnh toàn cảnh (chỉ chụp được 4 ảnh ở các góc độ khác nhau), không đủ điều kiện về ánh sáng, an toàn (pin và inverter lắp trên mái nhà xưởng cao cách mặt đất khoảng 12 mét), nên không thể kiểm đếm chi tiết số lượng pin cho từng hệ thống, dẫn đến kết quả nghiệm thu ngày 28/12/2020 sai số lượng pin và công suất hệ thống.

- Trong thời gian đến leo lên mái nhà để chụp ảnh không thấy người nào của chủ đầu tư có mặt trên mái nhà để sửa chữa lắp đặt lại pin. Trong lúc gặp chủ đầu tư để nhận các Biên bản nghiệm thu thì cũng không có ai nói gì về các hệ thống điện mặt trời bị đầu sai hoặc hư hỏng cần phải sửa chữa.

Ông đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Ông Nguyễn Đức T1 trình bày:

1. Công tác nghiệm thu:

Sáng ngày 28/12/2020 ông được Giám đốc Điện lực V3 chuyển thông báo số 6959/TB-BĐPC của Công ty T3 và yêu cầu cử người đi nghiệm thu kỹ thuật công

trình diện và kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà của 4 chủ đầu tư lắp đặt trên mái nhà xưởng Công ty T3 vào lúc 08h00 ngày 28/12/2020.

- Với vai trò Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Điện lực V3, ông phân công ông Nguyễn Văn Q2 - Cán bộ Kỹ thuật thuộc phòng V3 thực hiện công tác nghiệm thu trực tiếp tại hiện trường với thời gian bắt đầu 08h00 ngày 28/12/2020 (1 ngày) theo thông báo của Công ty T3.

- Ngày 29/12/2020 ông có nhận được hồ sơ trình ký của ông Lưu Hữu L2 (chuyên viên Kỹ thuật phòng Kỹ thuật - Công ty T3) gồm:

+ Biên bản nghiệm thu kỹ thuật công trình điện đường dây 22kV và TBA 1000KVA DMT Q&N.

+ Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật điện mặt trời mái nhà Q1.

+ 04 hình ảnh nghiệm thu chụp bằng điện thoại cá nhân thể hiện thời gian chụp từ 9h30 đến 9h34 phút ngày 29/12/2020.

- Bản trình ký có số liệu rõ ràng, phù hợp với thỏa thuận đầu nối và, không có tồn tại. Ông đã ký nghiệm thu đóng điện công trình.

2. Đánh giá mức độ rủi ro sai sót trong công tác nghiệm thu ngày 28/12/2020:

- Khối lượng công việc giao thực hiện tại địa điểm Công ty CP T3, Nhơn Hội TP Q gồm:

+ Nghiệm thu đóng điện ĐZ và TBA nâng của 2 hệ thống Q&N và Bình A;

+ Kiểm tra thông số kỹ thuật của 04 hệ thống điện mặt trời mái nhà Bình A, Q1, Quang L3, T với qui mô 3809,2kWp, số lượng pin 8560 tấm.

+ Chụp ảnh: Không có thiết bị chụp toàn cảnh hệ thống, chỉ có điện thoại cá nhân.

- Thời lượng thực hiện công việc theo kế hoạch là 1 ngày bắt đầu từ 8h-28/12/2020.

Tuy nhiên, do tình hình thi công chưa xong nên công việc không triển khai theo kế hoạch (8h buổi sáng) mà đến 13h30 - 28/12/2020 mới tiến hành công việc trong điều kiện thời tiết xấu.

Do vậy không thể kiểm đếm hết số lượng pin và năng cuối ngày hệ thống không phát hết công suất. Điều đó dẫn đến kết quả nghiệm thu ngày 28/12/2020 sai số lượng pin và công suất hệ thống.

3. Các giải pháp đã triển khai kiểm soát ngay sau nghiệm thu:

Giám đốc Điện lực V3 giao nhiệm vụ triển khai quay flycam vào ngày 17/01/2021 để kiểm đếm xác định số lượng tấm pin thực tế. Kết quả có hình ảnh chụp và video kèm theo. Trong 4 hệ thống điện mặt trời mái nhà trên mái C2 thì có hệ thống điện mặt trời của Công ty Đ có số lượng pin thực tế thiếu 105 tấm, Điện lực V3 đã làm việc với Công ty Đ ký lại phụ lục hợp đồng theo số lượng pin thực tế giảm. Đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án kinh doanh thương mại số 51/2025/KDTM-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng đã xử và quyết định:*

Căn cứ vào: các Điều 92, 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 235, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 117, các Điều 123, 127 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 300, 306 Luật thương mại 2005; khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ đối với Tổng Công ty Đ1.

1. Công nhận một phần hiệu lực Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184594/MTAM ngày 04/12/2021 giữa Tổng Công ty Đ1 và Công ty TNHH Đ đối với phần công suất 385,815 kWp (867 tấm pin, công suất mỗi tấm pin là 445 Wp).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 thực hiện đấu nối lại toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà theo Biên bản nghiệm thu ngày 03/12/2021.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán số tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023:

- Buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023 là 255.503.819 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán số tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023 là 205.405.034 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

- Buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền lãi do chậm trả tiền điện tháng 5, 6, 7/2023 đối với phần công suất 385,815 kWp (867 tấm pin, công suất mỗi tấm pin là 445 Wp) là 3.193.189 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán là 166.570.105 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán tiền phạt hợp đồng là 380.746.407 đồng (Ba trăm tám mươi triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm linh bảy đồng).

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 bồi thường thiệt hại do tách đấu nối phần công suất 519,76 kWp (1.168 tấm pin, công suất mỗi tấm pin là 445 Wp) từ ngày 19/7/2023 là 3.098.600.980 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

II. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Tổng Công ty Đ1 đối với Công ty TNHH Đ về việc tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184594/MTAM ngày 04/12/2021 đối với phần công suất 519,76 kWp (1.168 tấm pin, công suất mỗi tấm pin là 445 Wp).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty Đ kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Tổng Công ty Đ1.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đ, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại số 51/2025/KDTM-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Công ty cổ phần T2, Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần T3 và ông Ngô Thế Q đều vắng mặt. Đối với bà Hoàng Thị Thanh H là đại diện theo uỷ quyền của Công ty Đ vắng mặt trong phần tuyên án ngày 18/3/2026. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Xét nội dung kháng cáo của Công ty Đ thì thấy:

[2.1] *Đối với yêu cầu của Công ty Đ yêu cầu công nhận hiệu lực của Hợp đồng mua bán điện số PC07AA018459/MTAM ngày 04/12/2021 giữa EVNCPC và Công ty Đ và yêu cầu buộc EVNCPC thực hiện đấu nối lại toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà theo Biên bản nghiệm thu ngày 03/12/2021.*

Ngày 28/12/2020, Công ty Đ và EVNCPC có ký Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184594/MTMN, nội dung: Cùng nhau thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán

điện (sau đây gọi là Hợp đồng năm 2020) để mua bán điện năng được sản xuất từ hệ thống điện mặt trời mái nhà (sau đây gọi là Hệ thống), có công suất lắp đặt là 952,3 kWp (2.140 tấm pin) với các thông số tại Phụ lục do Bên A đầu tư xây dựng và vận hành tại Khu A (Khu A), xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; giá mua bán điện của Hệ thống được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, giá mua bán điện được áp dụng 20 năm kể từ ngày 28/12/2020 đến hết ngày 28/12/2040. Ngoài ra, các bên còn có thỏa thuận về điện năng mua bán, xác nhận chỉ số công tơ, điện năng phát lên lưới và lập hóa đơn, thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, giải quyết tranh chấp và điều khoản thi hành. Do thay đổi về công suất và số lượng tấm pin nên ngày 04/12/2021 giữa Công ty Đ và EVNCPC (đại diện là Công ty V3 - Công ty T3) ký thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng năm 2020 và ký lại Hợp đồng số PC07AA0184594/MTAM (sau đây gọi là Hợp đồng năm 2021) điều chỉnh công suất lắp đặt là 905,575 kWp (2.035 tấm pin); giá mua bán điện của Hệ thống được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và được áp dụng 20 năm kể từ ngày 28/12/2020 đến hết ngày 28/12/2040. Ngoài ra, các bên còn có thỏa thuận về điện năng mua bán, xác nhận chỉ số công tơ, điện năng phát lên lưới và lập hóa đơn, thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, giải quyết tranh chấp và điều khoản thi hành.

Hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Đ do Công ty Cổ phần T2 lắp đặt. Theo Biên bản nghiệm thu ngày 28/12/2020 giữa Công ty Đ và Công ty T3 thì công suất dự án là 952,3 kWp, tấm pin mặt trời loại 0,445 kWp/tấm (2.140 tấm). Cùng ngày, Công ty Đ có Công văn số 28-12/CV/BA-TA gửi Công ty T2 đề nghị tháo dỡ I và P bị sự cố chiều tối ngày 28/12/2020 để đem đi bảo hành, sửa chữa thay thế. Ngày 31/12/2020, Công ty Đ có Công văn số 122020/CV-BA gửi Công ty Cổ phần T2 yêu cầu kiểm tra cài đặt lại thông số inverter và toàn bộ hệ thống pin điện mặt trời. Đến ngày 20/01/2021, giữa Công ty Đ và Công ty Cổ phần T2 mới ký biên bản nghiệm thu bàn giao thể hiện hoàn thành cài đặt 08 bộ I2 theo văn bản đề nghị sửa chữa ngày 28/12/2020. Đến ngày 13/01/2021 mới ký biên bản nghiệm thu bàn giao thể hiện hoàn thành cài đặt 08 bộ I2 theo văn bản đề nghị sửa chữa ngày 31/12/2020. Điều này mâu thuẫn với nội dung tại Biên bản số 15/BHNT/NTDVSD ngày 31/12/2020 trước đó giữa Công ty Đ và Công ty Cổ phần T2 về việc nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, xác định đồng ý nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Ngoài ra, theo Hợp đồng kinh tế số INV-041120/HĐKT/IGV-BK ngày 04/11/2020 và Phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần T2 với Công ty TNHH I3 về việc mua bán các thiết bị phục vụ cho việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà thì các bên tiến hành giao nhận hàng hóa là 52 bộ biến tăng năng lượng mặt trời hòa lưới 110kW vào ngày 28/12/2020 tại Công ty Cổ phần T2; địa chỉ Thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn (Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 28/12/2020). Công ty Đ cho rằng địa điểm nhận 52 bộ biến tăng theo hợp đồng là tại cảng C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, địa điểm giao nhận tại Lạng Sơn hoặc Thành phố Hồ Chí Minh thì cùng ngày

28/12/2020 Công ty Đ và Công ty T3 đã tiến hành ký biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật xác định công suất là 952,3 kWp, số lượng pin là 2.140 tấm và tiến hành ký kết Hợp đồng năm 2020 là không phù hợp về mặt thời gian. Đồng thời, những người tham gia ký Biên bản kiểm tra thông số kỹ thuật ngày 28/12/2020 gồm ông Nguyễn Thế B, ông Phan Văn H1, ông Lưu Hữu L2, ông Nguyễn Đức T1 đều thừa nhận có sai sót, không kiểm tra, xác định đúng công suất, số lượng tấm pin đã được lắp đặt hoặc không có mặt tại thời điểm kiểm tra.

Sau khi các bên xảy ra tranh chấp về số lượng tấm pin được lắp đặt tại thời điểm trước ngày 31/12/2020 thì Công ty T3 và Công ty Cổ phần T2 đã có Công văn đề nghị Đài Viễn Thám T - Cục V1 cung cấp dữ liệu hình ảnh để xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời. Theo kết quả tại Báo cáo số 26/CV-ĐVTTW ngày 15/02/2024 của Đài Viễn Thám Trung Ương theo yêu cầu của Công ty T3 khẳng định: *“Đối chiếu với mặt bằng bố trí tấm pin do công ty cung cấp thì phạm vi lắp đặt trên sơ đồ tại các ngày 27, 28, 29 tháng 12/2020 là giống nhau và có vị trí như hình dưới (trong vùng bao bằng đường màu đỏ)”*. Kết luận này hoàn toàn giống với kết luận của Báo cáo số 101/ĐVTTW-KHTH ngày 18/7/2023 kết quả xác định hiện trạng che phủ của pin năng lượng mặt trời tại thời điểm ngày 29/12/2020 của V1 theo yêu cầu của Công ty Cổ phần T2. Căn cứ dữ liệu hình ảnh của Đài Viễn Thám T và dữ liệu về sản lượng điện tháng 02/2021 tăng đột ngột so với tháng 01/2021, sản lượng điện tháng 01/2021 là rất nhỏ so với cùng kỳ tháng 01/2022 (tháng 1/2022 tăng từ 30 - 50 lần so với tháng 01/2021). Vào ngày 29/7/2023, đại diện của Công ty Đ là ông Ngô Thế Q và Điện lực T3 đã lập biên bản hợp thống nhất số lượng pin đã lắp đặt của Công ty Đ ngày 29/12/2020 là 867 tấm pin. Đến thời điểm hiện nay, Công ty Đ vẫn không chứng minh được công suất, số lượng tấm pin đã lắp đặt vào ngày 30 và 31/12/2020 theo như thống nhất của các bên tại biên bản hợp.

Như vậy thời điểm ký kết Hợp đồng năm 2020 ngày 28/12/2020 đến ngày 31/12/2020 thì Công ty Đ chỉ mới hoàn thành việc lắp đặt đối với phần công suất 385,815 kWp (867 tấm pin, 445Wp/tấm). Như vậy, Công ty Đ không trung thực trong việc cung cấp thông tin về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống điện mặt trời mái nhà tại thời điểm nghiệm thu, ký kết hợp đồng để được hưởng giá mua bán điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, hợp đồng ký kết giữa các bên chỉ có hiệu lực đối với phần công suất 385,815 kWp (867 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp) và vô hiệu đối với phần công suất 519,76 kWp (1.168 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp) theo khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012; khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 117, các Điều 123, 127 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ về việc buộc Tổng công ty Đ5 lại toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà theo Biên bản nghiệm thu ngày 03/12/2021 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc EVNCPC phải thanh toán tiền điện còn nợ tháng 5, 6, 7/2023 với số tiền 460.908.853 đồng.

Các bên đều thừa nhận sản lượng điện chưa thanh toán của tháng 5, 6, 7/2023 là 214.201 kWh. Công ty Đ yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng năm 2021 với giá theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; EVNCPC không thống nhất vì cho rằng sản lượng này phát từ công suất 519,76 kWp tương ứng với số tấm pin vi phạm là 1.168 tấm. Xét thấy, mặc dù Hợp đồng mua bán điện vô hiệu nhưng đối với sản lượng điện 214.201 kWh đã được phát lên lưới điện quốc gia nên EVNCPC phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ. Tuy nhiên, giá mua bán điện theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ chỉ được áp dụng đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà có thời điểm vào vận hành phát điện và xác nhận chỉ số công tơ trong giai đoạn từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/12/2020. Theo Công văn số 1078/NSMO-TTĐ ngày 11/4/2025 của Công ty TNHH MTV2 vận hành Hệ thống điện và thị trường điện quốc gia về việc công bố dữ liệu giá bán điện năng thị trường 05 năm vận hành gần nhất, giá điện năng thị trường trung bình năm liên kế (từ năm 2020 - 2024) được xác định là 1.096,5 đồng/kWh. Xét thấy việc áp dụng giá điện theo Công văn số 1078/NSMO-TTĐ đối với sản lượng điện 214.201 kWh của Công ty Đ là phù hợp. Đồng thời, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ thể hiện giá mua bán điện này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng nên EVNCPC phải có nghĩa vụ thanh toán bao gồm tiền thuế giá trị gia tăng (10% đối với tháng 5/2023 và 8% đối với tháng 6, 7/2023), cụ thể như sau:

Tháng	Năm	Sản lượng KWh	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Thuế GTGT	Tổng tiền (đồng)
5	2023	84.027	1.096, 5	92.135.605, 5	9.213.560,5 (10%)	101.349.166
6	2023	77.140	1.096, 5	84.584.010	6.766.720,8 (8%)	91.350.730
7	2023	53.034	1.096, 5	58.151.781	4.652.142,4 (8%)	62.803.923
TỔNG CỘNG		214.201		255.503.819 đồng (Đã bao gồm VAT)		

Như vậy, số tiền điện tháng 5, 6, 7/2023 Điện lực M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ là 255.503.819 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc EVNCPC thanh toán toàn bộ tiền lãi do chậm trả tiền điện với số tiền là 169.763.294 đồng.

Theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng năm 2021 về nghĩa vụ thanh toán thì Công ty Đ có nghĩa vụ lập hồ sơ đề nghị thanh toán, trong thời hạn 07 ngày làm việc

sau ngày thống nhất chỉ số công tơ và điện năng phát lên lưới và nộp đủ hồ sơ thanh toán thì EVNCPC phải có nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2023 các bên thống nhất: *“Trong thời gian chờ bổ sung thêm hồ sơ chứng minh về sự phù hợp về mặt pháp lý của hệ thống pin lắp, Công ty Đ tạm dừng thanh toán cho các hệ thống này”*. Đến ngày 16/5/2024, Công ty Đ có giấy đề nghị thanh toán kèm hóa đơn GTGT đối với sản lượng điện từ tháng 5/2023 - tháng 4/2024. Ngày 26/6/2024, EVNCPC đã thanh toán tiền điện của tháng 5, 6, 7/2023 với giá trị 342.127.499 đồng (tương ứng với phần công suất của 867 tấm pin); ngày 17/5/2024 EVNCPC đã thanh toán tiền điện của từ tháng 8/2023 đến tháng 4/2024 với tổng số tiền là 1.009.145.316 đồng.

Xét thấy, tiền điện từ tháng 8/2023 đến tháng 4/2024, EVNCPC đã thanh toán vào ngày 17/5/2024, sau 01 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị thanh toán ngày 16/5/2024 của Công ty Đ nên không vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không phát sinh nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thanh toán. Đối với tiền điện của các tháng 5, 6, 7/2023 từ sản lượng của 1.168 tấm pin, EVNCPC chậm thanh toán là do các bên tranh chấp về hợp đồng và phần công suất này bị xác định vô hiệu nên không có cơ sở tính lãi suất do chậm thanh toán. Đối với tiền điện của các tháng 5, 6, 7/2023 từ sản lượng của 867 tấm pin thì Điện lực B2 yêu cầu thanh toán từ ngày 16/5/2024 nhưng đến ngày 26/6/2024 mới được thanh toán; sau thời hạn 07 ngày làm việc theo như quy định tại hợp đồng nên EVNCPC phải thanh toán tiền lãi từ 25/5/2024 đến 25/6/2024 (32 ngày).

Công ty Đ yêu cầu tính mức lãi suất 10,5%/năm theo mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng, gồm: Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh Đ6, Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh Đ6 và Ngân hàng N3 - Chi nhánh Đ6 là phù hợp. Như vậy, số tiền lãi do chậm thanh toán cụ thể EVNCPC phải có nghĩa vụ thanh toán như sau: $342.127.499 \text{ đồng} \times 10,5\%/\text{năm} \times 32 \text{ ngày} = 3.193.189 \text{ đồng}$.

[2.4] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc EVNCPC thanh toán tiền phạt hợp đồng số tiền là 380.746.407 đồng.

Điều 300 Luật Thương mại quy định *“Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận”*. Tuy nhiên, tại Hợp đồng mua bán điện số PC07AA018459/MTAM ngày 04/12/2021 không thỏa thuận về phạt hợp đồng nên không có cơ sở để xem xét.

[2.5] Đối với yêu cầu buộc EVNCPC bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ do tách đầu nối công suất điện của dự án, thời gian tính từ ngày 19/7/2023 (thời điểm tách đầu nối) cho tới khi chấm dứt hành vi vi phạm gây thiệt hại với số tiền 3.098.600.980 đồng.

Theo thống nhất tại Biên bản họp ngày 29/7/2023 thì *“Hai bên đã thống nhất đóng lại số lượng pin này (867 tấm) vào ngày 30/7/2023 lên lưới điện quốc gia”*. Sau đó, Công ty Đ không cung cấp hồ sơ chứng minh lắp đúng và đủ sản lượng, số lượng tấm pin của hệ thống điện mặt trời mái nhà tại thời điểm kiểm tra thông số kỹ thuật và ký kết hợp đồng vào ngày 28/12/2020 cũng như thời điểm đến ngày

31/12/2020 nên Điện lực V3 có Công văn số 601/ĐLQN-KD ngày 06/7/2023 về việc ngắt đầu nối hệ thống điện mặt trời mái nhà ra khỏi lưới điện của ngành điện, bắt đầu ngắt kết nối từ 09 giờ 00 ngày 09/7/2023; Công văn số 3603/BĐPC-TTBVPC+KD ngày 18/7/2023 về việc tách đầu nối. Quá trình giải quyết vụ án xác định hợp đồng vô hiệu một phần đối với phần công suất 519,76 kWp (1.168 tấm pin) nên việc ngắt đầu nối của Điện lực V3 là có căn cứ, kịp thời ngăn chặn và giảm thiệt hại cho Nhà nước. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ về việc bồi thường thiệt hại do tách đầu nối phần công suất 519,76 kWp (1.168 tấm pin) là 3.098.600.980 đồng.

[2.6] *Đối với yêu cầu phản tố của EVNCPC về việc tuyên bố vô hiệu theo Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184594/MTAM ngày 04/12/2021 đối với phần công suất công suất 519,76 kWp (1.168 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp).*

Do có căn cứ khẳng định được rằng tại thời điểm ký kết Hợp đồng năm 2020 ngày 28/12/2020 đến ngày 31/12/2020 thì Công ty Đ chỉ mới hoàn thành việc lắp đặt đối với phần công suất 385,815 kWp (867 tấm pin, 445Wp/tấm). Công ty Đ không trung thực trong việc cung cấp thông tin về công suất, số lượng tấm pin của hệ thống điện mặt trời mái nhà tại thời điểm nghiệm thu, ký kết hợp đồng để được hưởng giá mua bán điện theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06.4.2020 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, hợp đồng ký kết giữa các bên chỉ có hiệu lực đối với phần công suất 385,815 kWp (867 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp) và vô hiệu đối với phần công suất 519,76 kWp (1.168 tấm pin, công suất mỗi tấm là 445 Wp) theo khoản 9 Điều 7 Luật điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012; khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 117, Điều 123, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, yêu cầu phản tố của EVNCPC là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại số 51/2025/KDTM-ST ngày 28-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Tổng Công ty Đ1 phải chịu là 12.934.850 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo Biên lai số 0000365 ngày 30/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đà Nẵng). Tổng Công ty Đ1 phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 9.934.850 đồng.

- Công ty Đ phải chịu là 109.026.450 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.056.598 đồng theo biên lai thu số 0002672 ngày 21/11/2023 và 37.931.000 đồng theo Biên lai thu số 0000182 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đà Nẵng). Công ty Đ phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 59.038.852 đồng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty Đ phải chịu 2.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 004466 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đ;

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại số 51/2025/KDTM-ST ngày 28/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

Căn cứ vào: các Điều 92, 147, 148, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 117, các Điều 123, 127 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 300, 306 Luật thương mại 2005; khoản 9 Điều 7 Luật Điện lực năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ đối với Tổng Công ty Đ1.

1. Công nhận một phần hiệu lực Hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184594/MTAM ngày 04/12/2021 giữa Tổng Công ty Đ1 và Công ty TNHH Đ đối với phần công suất 385,815 kWp (867 tấm pin, công suất mỗi tấm pin là 445 Wp).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 thực hiện đấu nối lại toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà theo Biên bản nghiệm thu ngày 03/12/2021.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán số tiền điện còn nợ của tháng 5, 6, 7/2023:

- Buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền điện còn nợ của tháng 5, 6, 7/2023 là 255.503.819 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu năm trăm linh ba ngàn tám trăm mười chín đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán số tiền điện còn nợ của tháng 5, 6, 7/2023 là 205.405.034 đồng (Hai trăm linh năm triệu bốn trăm linh năm ngàn không trăm ba mươi tư đồng).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

- Buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền lãi do chậm trả tiền điện của tháng 5, 6, 7/2023 đối với phần công suất 385,815 kWp (867 tấm

pin, công suất mỗi tấm pin là 445 Wp) là 3.193.189 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi ba ngàn một trăm tám mươi chín đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán là 166.570.105 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi ngàn một trăm linh năm đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 thanh toán tiền phạt hợp đồng là 380.746.407 đồng (Ba trăm tám mươi triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm linh bảy đồng).

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ về việc buộc Tổng Công ty Đ1 bồi thường thiệt hại do tách đầu nối phần công suất 519,76 kWp (1.168 tấm pin, công suất mỗi tấm pin là 445 Wp) từ ngày 19/7/2023 là 3.098.600.980 đồng (Ba tỷ không trăm chín mươi tám triệu sáu trăm ngàn sáu trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

II. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Tổng Công ty Đ1 đối với Công ty TNHH Đ về việc tuyên vô hiệu một phần hợp đồng mua bán điện số PC07AA0184594/MTAM ngày 04/12/2021 đối với phần công suất 519,76 kWp (1.168 tấm pin, công suất mỗi tấm pin là 445 Wp).

III. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Tổng Công ty Đ1 phải chịu là 12.934.850 đồng (Mười hai triệu chín trăm ba mươi tư ngàn tám trăm năm mươi đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo Biên lai số 0000365 ngày 30/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đà Nẵng). Tổng Công ty Đ1 phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 9.934.850 đồng (Chín triệu chín trăm ba mươi tư ngàn tám trăm năm mươi đồng).

- Công ty TNHH Đ phải chịu là 109.026.450 đồng (Một trăm lẻ chín triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.056.598 đồng (Mười hai triệu không trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi tám đồng) theo biên lai thu số 0002672 ngày 21/11/2023 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.931.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000182 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đà Nẵng). Công ty TNHH Đ phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 59.038.852 đồng (Năm mươi chín triệu không trăm ba mươi tám ngàn tám trăm năm mươi hai đồng).

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), Công ty TNHH Đ phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 0004466 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND Khu vực 1;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Phòng GD, KT, TT và THA;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tổ nghiệp vụ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn